

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Linh Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Th, sinh năm 1991. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn M, xã P, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn - chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 12/9/2014. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị đã từng nộp đơn xin ly hôn vào ngày 17/3/2021 nhưng được Tòa án hòa giải nên chị rút lại đơn khởi kiện. Sau khi về đoàn tụ đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn

không giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Tín P, sinh ngày 08/12/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 27/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Anh vẫn còn tình cảm với chị Th nên anh mong Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Tín P, sinh ngày 08/12/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - anh Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại thôn M, xã P, huyện S, tỉnh N. Chị Lê Thị Th khởi kiện xin ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn - anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 12/9/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị Th, anh T đều thừa nhận: quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Th đã từng nộp đơn xin ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và đến nay vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị Th và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Tín P, sinh ngày 08/12/2019. Các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện kinh tế của các bên thì thấy: chị Th và anh T đều thừa nhận mức thu nhập của các bên mỗi tháng là 10.000.000 đồng nên chị Th, anh T đều đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, anh T vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa không lý do thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Tại bản tự khai ngày 02/6/2022, cháu T1 trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ; còn cháu P hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Tại đơn xin xác nhận ngày 09/8/2022 (có xác nhận của UBND xã X) thể hiện cháu T1, cháu P đang ở với chị Th từ ngày 02/5/2021 đến nay và hiện đang phát triển bình thường, đang học tập tại địa phương. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần giao cháu T1 và cháu P cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 01/3/2015 và Nguyễn Tín P, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Lê Thị Th phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004660 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú, huyện Quế Sơn
(GCNKH số 85 ngày 12/9/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen